

Bản án số: 353/2020/HC-PT

Ngày 10/8/2020

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định  
hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai,  
thuộc trường hợp bồi thường,  
hỗ trợ khi thu hồi đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Ý

*Các thẩm phán:* Ông Võ Văn Khoa

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 531/2019/TLPT-HC ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 07/2019/HC-ST ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1956/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

***1. Người khởi kiện:*** Bà Cao Thị L, sinh năm 1942; Địa chỉ: Số 48 đường Lý Thường Kiệt, ấp Hiệp Định, xã H, huyện H, tỉnh T (vắng mặt).

***Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người khởi kiện:*** Bà Vy Thị L1, sinh năm 1993; Địa chỉ: 200/9 Nguyễn Hữu Tiến, phường T, quận T, Thành phố M– Theo văn bản ủy quyền ngày 04/11/2019 (có mặt).

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:*** Ông Kim Ron T - Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thành Văn - Thuộc đoàn luật sư Thành phố M (có mặt).

***2. Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T (vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:*

- Ông Văn Tiến D - Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T (vắng mặt).

- Ông Lương Nguyễn Đăng D1 - Phó Giám đốc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T (vắng mặt).

- Ông Võ Xuân T1 - Phó Giám đốc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T (có mặt).

- Ông Trần Quang K - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh T (có mặt).

*3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H (vắng mặt).

3.2. Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Cao Thị L

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 22-02-2019, bản tường trình ngày 22-02-2019 và lời trình bày của bà Cao Thị L tại phiên tòa:*

Ngày 20/12/2018 bà Cao Thị L nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 3035/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại của bà với nội dung không chấp nhận đơn của bà khiếu nại đối với Quyết định 638/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND huyện H và Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của UBND huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện nâng cấp, mở rộng đường Lý Thường Kiệt; nội dung Quyết định đồng thời giao UBND huyện H thu hồi Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 12/8/1991 về việc giao đất xây dựng nhà ở cho vợ chồng bà. Bà cho rằng quyết định giải quyết khiếu nại 3035 ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, hoàn toàn trái với quy định của Luật đất đai năm 2013, cụ thể:

Phần đất của bà tại số 48 đường Lý Thường Kiệt, ấp Hiệp Định, xã H, huyện H, tỉnh T do bà cùng chồng là Mai Vạn N mua của ông Nguyễn Văn T2 vào năm 1982. Ngày 05/01/1987, được Sở Xây dựng cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đối với căn nhà 33/4B (số mới 48), diện tích xây dựng 63 m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng 63 m<sup>2</sup>. Ngày 12/8/1991, UBND huyện H ban hành Quyết định số 274 giao cho vợ chồng bà diện tích 870 m<sup>2</sup> gồm đất xây dựng nhà 300 m<sup>2</sup>, đất vườn 570 m<sup>2</sup>. Ngày 30/11/2004 UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là giấy CNQSDĐ) số 0289.QSDĐ/39-UB(HL) diện tích 377,6 m<sup>2</sup> gồm 300 m<sup>2</sup>

đất thổ cư và 77,6 m<sup>2</sup> đất vườn. Giấy CNQSDĐ cấp thiếu 492,4 m<sup>2</sup>, bà có thắc mắc với Phòng Địa chính huyện H, Chủ tịch và Phó Chủ tịch huyện thì được biết do phải trừ lộ giới giao thông và khi nào nhà nước làm đường sẽ có kế hoạch đền bù. Thời điểm đó, bà không khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà là do UBND huyện H không thu hồi diện tích đất ngoài sổ đỏ nên diện tích đất cấp thiếu vẫn còn của bà.

Thứ hai, Quyết định số 155/QĐ-UB của UBND tỉnh về quy định lộ giới các tuyến đường của huyện H ban hành ngày 12/4/1993, còn Quyết định 274 giao đất cho bà năm 1991 có trước Quyết định 155; hơn nữa tại Điều 1 của Quyết định 155 cũng là quy định lộ giới tạm thời và cho đến nay không có quy định nào chính thức có giá trị thi hành. Mặt khác, Quyết định số 1139/QĐ-UB ngày 28/12/2000 của UBND tỉnh T phê duyệt quy hoạch giao thông huyện H cũng chỉ cho giai đoạn 1999-2010 và trong quyết định này không có con đường Ca Bảo Đạo. Chủ tịch UBND tỉnh T căn cứ vào những quy định này cho rằng đất của bà nằm trong lộ giới quy hoạch 30m và không bồi thường về đất cho bà là trái với thực tế.

Thứ ba, Quyết định 3035 căn cứ Khoản 11 Điều 3 Luật đất đai 2013, nhưng không quyết định thu hồi đất là không đúng vì đất của bà được giao theo Quyết định 274 nhưng không thu hồi là trái Luật đất đai năm 2013.

Thứ tư, Quyết định 135 cho rằng đất của bà theo Lược đồ của Đạo Cao Đài là đất giao thông để không bồi thường đất cho bà là sai hoàn toàn nên bà không chấp nhận. Đất của bà được giao năm 1991, theo Điều 50 Luật đất đai 2003 và Điều 100 Luật đất đai năm 2013 thì đất của bà thuộc trường hợp được xác lập trước ngày 15/10/1993 nên hoàn toàn đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ, đủ điều kiện đền bù theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013.

Do đó bà khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 3035/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh T và hủy các Quyết định 638, Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của UBND huyện H và hủy Quyết định 625 của Chủ tịch UBND huyện H.

*Theo Văn bản số 477/UBND-TD ngày 19 tháng 3 năm 2019 của người bị kiện thể hiện:*

Chủ tịch UBND tỉnh T giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định 3035/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết đơn khiếu nại lần 2 đối với bà Cao Thị L đối với Quyết định 625 của Chủ tịch UBND huyện H.

*Tại văn bản số 339/UBND ngày 02/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện H thể hiện:*

Ngày 08/3/2018, bà Cao Thị L có đơn khiếu nại Quyết định 638/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND huyện H, yêu cầu bồi thường diện tích 492,4 m<sup>2</sup> đất trong phạm vi lộ giới 30 m đường Lý Thường Kiệt. Sau khi thụ lý đơn khiếu nại của bà Cao Thị L, Chủ tịch UBND huyện đã xem xét thụ lý, giải quyết; ngày 17/4/2018 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định 625/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, nội dung: Không chấp nhận khiếu nại, yêu cầu của bà Cao Thị L, giữ nguyên Quyết định 638/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường Lý Thường Kiệt (đoạn đường từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến đường Châu Văn Liêm).

Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định 625/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 về việc giải quyết khiếu nại của bà L lần đầu là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, nhận được quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND huyện, bà L tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh.

Ngày 16/01/2019, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định 3035/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung: Không chấp nhận khiếu nại, yêu cầu của bà L đối với quyết định 625/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện H và Quyết định 638/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND huyện H. Không đồng ý quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh bà L khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh T.

Từ các cơ sở trên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị L. Giữ nguyên Quyết định 3035/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh T; Quyết định 625/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện H.

*Tại Văn bản số 340/UBND ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện H thể hiện:*

*Đối với Quyết định 638/QĐ-UBND ngày 27/12/2016:* Thực hiện chủ trương đầu tư dự án nâng cấp, mở rộng Đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ Đường cách mạng tháng Tám đến Đường Châu Văn Liêm) được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 20/10/2015. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng Phương án số 02/PA-TTPTQĐ ngày 21/12/2016. Sau khi Hội đồng thẩm định giá tỉnh thẩm định phương án, ngày 27/12/2016 UBND huyện ban hành Quyết định số 638/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng đường Lý Thường Kiệt đúng quy định của pháp luật về đất đai và chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh T ban hành theo Quyết định số 17/2015/QĐ-

UBND ngày 02/04/2015.

*Đối với quyết định số 52/QĐ-UBND, ngày 16/01/2019:* Thực hiện Quyết định số 3035/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị L lần hai, nội dung: Không chấp nhận khiếu nại, yêu cầu của bà Cao Thị L đối với quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện H và Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND huyện H; giao UBND huyện H thu hồi Quyết định số 274/QĐ.UB ngày 12/8/1991 về việc giao đất xây dựng nhà cho ông Mai Vạn N và bà Cao Thị L. Lý do: Bà L đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngoài phạm vi đất giao thông, phải trừ đi lộ giới 30m đường Lý Thường Kiệt và không được bồi thường về đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 16/01/2019, UBND huyện ban hành Quyết định số 52/QĐ-UBND thu hồi Quyết định số 274/QĐ.UB ngày 12/8/1991 về việc giao đất xây dựng nhà cho ông Mai Vạn N và bà Cao Thị L. UBND huyện ban hành Quyết định số 52/QĐ-UBND là đúng qui định của pháp luật và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

Từ cơ sở trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L giữ nguyên các Quyết định số 3035/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh T; Quyết định 638/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND huyện H; Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của UBND huyện H. Ngày 24/6/2019 UBND huyện H ban hành Thông báo số 75/TB-UBND để bà Cao Thị L biết tự tháo dỡ nhà, vật kiến trúc, cây trồng giải tỏa diện tích đất lấn chiếm trong phạm vi lộ giới 30m đường Lý Thường Kiệt giao trả mặt bằng để tiếp tục thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường Lý Thường Kiệt. Việc bà L khởi kiện yêu cầu bồi thường về đất UBND huyện H thực hiện theo bản án của Tòa; bà L đủ điều kiện hoặc không được bồi thường thì vẫn phải giải tỏa diện tích đất lấn chiếm trong phạm vi lộ giới 30m đường Lý Thường Kiệt để tiếp tục thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Đường Lý Thường Kiệt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 07/2019/HC-ST ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ Điều 76 Luật đất đai năm 2013; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị L về việc yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 3035/QĐ-UBND ngày 13/12/2018

của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh T;

- Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 và Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của UBND huyện H;

- Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 625/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện H.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/7/2019 bà Cao Thị L kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm hủy các quyết định trên và yêu cầu UBND huyện H bồi thường về đất khi thu hồi theo quy định của pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà L cho rằng diện tích 870m<sup>2</sup> đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà L, được nhà nước công nhận; UBND huyện H không ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường giá trị quyền sử dụng đất 492,4m<sup>2</sup> là không đúng pháp luật; sau đó UBND huyện H ban hành quyết định hỗ trợ bổ sung, khi không có quyết định thu hồi đất và bồi thường là không có căn cứ. Bản án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của bà L là không đúng quy định của pháp luật, nên đề nghị sửa án sơ thẩm, hủy các quyết định trên để bồi thường cho bà Cao Thị L theo đúng quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện cho rằng trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 3035/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh T đúng quy định pháp luật. Diện tích đất 492,4m<sup>2</sup> nằm trong quy hoạch làm đường của nhà nước và Quyết định số 274/QĐ-UB ngày 12/8/1991 của UBND huyện H đã bị thu hồi nên không ban hành quyết định thu hồi và bồi thường là đúng pháp luật, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau: Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, diện tích 492,8m<sup>2</sup> nằm trong diện tích đất của chế độ cũ giao cho Hội Thánh - Đại Đạo - Tam Kỳ - Phở Độ, tỉnh T theo Quyết định số 1500-NĐ/CN ngày 19/8/1966; bà L làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 377,6m<sup>2</sup> và được cấp đúng diện tích; còn lại diện tích 492,8m<sup>2</sup> nằm trong quy hoạch làm đường nên diện tích đất trên không thuộc quyền sử dụng của bà L, UBND huyện H không ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường đất cho bà L là đúng theo quy định tại khoản 11 Điều 13 Luật đất đai năm 2013. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bà L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

- Đơn kháng cáo của bà Cao Thị L đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Theo đơn khởi kiện của bà Cao Thị L, cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”; đối tượng bị khởi kiện là Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 và Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của UBND huyện H, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 625/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện H, Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 3035/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh T; thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh T được quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2]. Xét đơn kháng cáo của bà Cao Thị L về tính hợp pháp của Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh T thì thấy:

[2.1]. Theo tài liệu cấp sơ thẩm thu thập thì diện tích 870m<sup>2</sup> đất tại đường Lý Thường Kiệt, xã H, huyện H, tỉnh T do bà Cao Thị L nhận chuyển nhượng và xây dựng nhà ở từ năm 1982. Đến ngày 05/01/1987, Sở Xây dựng tỉnh T cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà diện tích 63m<sup>2</sup> cho gia đình bà Cao Thị L. Ngày 12/8/1991, UBND huyện H ban hành Quyết định số 274/QĐ-UB giao đất xây dựng nhà ở cho gia đình của bà Cao Thị L diện tích 870m<sup>2</sup> (BL: 17). Do đó, có đủ căn cứ để xác định diện tích nhà 63m<sup>2</sup> trên diện tích đất 870m<sup>2</sup> thuộc quyền sở hữu và sử dụng của gia đình bà Cao Thị L.

[2.2]. Theo Quyết định số 155/QĐ-UB ngày 12/4/1993 của Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc ban hành quy định lộ giới các tuyến đường chính trong huyện H, tại Điều 2 của Quyết định ghi: *Quy định tạm thời về lộ giới được áp dụng trong quản lý xây dựng nhà ở và công trình từ khi ban hành, cho đến khi có quy hoạch chính thức* (BL: 66). Như vậy, Quyết định trên của Ủy ban nhân dân tỉnh T nhằm thực hiện việc quản lý của nhà nước, không cho xây dựng nhà ở, công trình kiến trúc trong phạm vi lộ giới 30m cho đến khi thực hiện làm đường chứ không có nghĩa là sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành quyết định trên thì diện tích đất nằm trong phạm vi lộ giới 30m là đất thuộc công trình giao thông, trở thành quyền sử dụng đất của nhà nước.

[2.3]. Từ những căn cứ trên cho thấy quyền sử dụng 870m<sup>2</sup> đất của gia đình bà

Cao Thị L được nhà nước công nhận sử dụng hợp pháp từ năm 1991, trong khi đó quy hoạch lộ giới bắt đầu từ năm 1993, tức là sau khi nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho bà Cao Thị L. Do đó, ngày 30/11/2004, UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Cao Thị L 377,6m<sup>2</sup> không đúng với diện tích đất thực tế của bà Cao Thị L đang sử dụng, không đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ “*Trường hợp đất đã được sử dụng trước thời điểm quy hoạch được xét duyệt nhưng tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận việc sử dụng đất không phù hợp với quy hoạch đã được xét duyệt và cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa có văn bản về chủ trương thu hồi đất theo quy định tại Điều 49 của Nghị định này thì người sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm a khoản này*”. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 274/QĐ-UB ngày 12/8/1991 của UBND huyện H là một trong những loại giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003, là điều kiện để bà Cao Thị L được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng pháp luật, nhưng lại nhận định: Năm 2004, UBND huyện H chỉ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà Cao Thị L diện tích 377,6m<sup>2</sup>, còn lại diện tích 492,4m<sup>2</sup> nằm trong lộ giới 30m dự kiến mở rộng đường không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Cao Thị L, nên Quyết định số 274/QĐ-UB ngày 12/8/1991 của UBND huyện H không còn giá trị, là nhận định không có căn cứ pháp luật, không đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; khoản 5 Điều 98, điểm a và điểm d khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

[2.4]. Theo Hiến pháp năm 1980 của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì: Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, nhà nước thống nhất quản lý theo quy hoạch chung, cá nhân đang sử dụng đất đai được tiếp tục sử dụng. Do đó, Quyết định số 1500-NĐ/CN ngày 19/8/1966 của chế độ cũ đã giao 2.355ha tại tỉnh T, cho Hội Thánh - Đại Đạo - Tam Kỳ - Phở Độ tỉnh T sử dụng, nhưng thực tế gia đình bà Cao Thị L sử dụng diện tích đất 492,4m<sup>2</sup> từ năm 1982 đến nay, trong khi Hội Thánh - Đại Đạo - Tam Kỳ - Phở Độ tỉnh T không sử dụng diện tích đất này. Vì vậy, Quyết định số 1500-NĐ/CN ngày 19/8/1966 của chế độ cũ không phải là căn cứ để xác định diện tích 492,4m<sup>2</sup> đất thuộc quyền sử dụng của Hội Thánh - Đại Đạo - Tam Kỳ - Phở Độ tỉnh T.

[2.5]. Nay UBND huyện H chính thức sử dụng đất để mở rộng đường và ban hành Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND huyện H không bồi thường diện tích 492,4 m<sup>2</sup> đất cho gia đình bà Cao Thị L là không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013. Do đó, cần buộc UBND huyện H phải bồi thường diện tích đất trên cho gia đình bà Cao Thị L theo quy định



pháp luật.

[4]. Đối chiếu những phân tích trên thì Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 625/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện H, Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 3035/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh T và Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của UBND huyện H về việc thu hồi Quyết định số 274/QĐ-UB ngày 12/8/1991 của UBND huyện H đều không đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện, không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; chấp nhận kháng cáo của bà Cao Thị L hủy các quyết định trên để UBND huyện H ban hành lại quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho bà Cao Thị L theo quy định của pháp luật; sửa Bản án sơ thẩm. Vì vậy, UBND huyện H, Chủ tịch UBND huyện H và Chủ tịch UBND tỉnh T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, bà Cao Thị L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Cao Thị L; Sửa Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Khoản 1 Điều 75, khoản 5 Điều 98, điểm a và điểm d khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Khoản 2 Điều 32, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị L về việc yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 3035/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T;
- Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 625/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh T;
- Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 và Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh T;

Buộc Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh T ban hành Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đúng theo quy định của pháp luật.

Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện H phải nộp 300.000 đồng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H phải nộp 300.000 đồng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T phải nộp 300.000 đồng.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Cao Thị L không phải chịu.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 10/8/2020.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu VP(6), HS(1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Ý**

